

Số: 174/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Bệnh học thủy sản
của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-KĐCL ngày 24/9/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 39 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-KĐCL ngày 24/9/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 39;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Bệnh học thủy sản của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 39 ngày 10/10/2025 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Bệnh học thủy sản của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Bệnh học thủy sản đúng theo quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo sau thẩm định chi tiết trong Phụ lục I (kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Kiến nghị Học viện Nông nghiệp Việt Nam cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục được khuyến nghị chi tiết trong Phụ lục II (kèm theo Nghị quyết).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Bệnh học thủy sản của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐGCNCLGD.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH BỆNH HỌC THỦY SẢN
CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số 174/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 10 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4.20	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	5			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4.20	5	100%
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		4.00	3	100%	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4		4.33	3	100%	Tiêu chuẩn 9		4.40	5	100%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 4.2	5				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	5			
Tiêu chuẩn 5		4.00	5	100%	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		4.17	6	100%
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		4.29	7	100%	Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 6.1	5				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4.00	4	80%
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	3			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	5			
		Tiêu chí 11.5			4				
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt				Tỉ lệ số tiêu chí đạt			
		48				96%			

Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH BỆNH HỌC THỦY SẢN CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số: 174/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 10 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Bệnh học thủy sản (CTĐT) của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2020 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng theo kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện và mục tiêu của giáo dục đại học; chuẩn đầu ra được rà soát, sửa đổi hướng tới đạt mục tiêu đào tạo, có sự tham gia của các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT có các thông tin cần thiết, được cập nhật các nội dung mới với sự tham gia của các bên liên quan; các đề cương học phần được rà soát, bổ sung, điều chỉnh thường xuyên, thiết kế thống nhất theo mẫu chung; bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công khai theo nhiều hình thức. Chương trình dạy học được rà soát, thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra thể hiện sự liên kết của các học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra CTĐT với sự tham gia của người học, cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và tham khảo CTĐT của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước; tổ hợp các phương pháp dạy học giúp người học đạt được kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu, kỹ năng mềm và khả năng học tập suốt đời. Mục tiêu và triết lý giáo dục được công khai theo nhiều hình thức, được chuyển tải vào việc thiết kế và triển khai CTĐT. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá được thiết kế theo chuẩn đầu ra và quy định của Học viện, được phổ biến đến người học; các kỳ thi, kiểm tra được tổ chức nghiêm túc, cơ chế phản hồi kết quả và khiếu nại rõ ràng. Đội ngũ giảng viên cơ hữu được phát triển theo kế hoạch, có năng lực chuyên môn đáp ứng tốt, được khuyến khích nâng cao trình độ; quy trình tuyển dụng rõ ràng, công khai; hoạt động nghiên cứu khoa học được quản lý, đánh giá định kỳ và đạt kết quả đáng ghi nhận. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất và năng lực; công tác quy hoạch, tuyển dụng được thực hiện tốt; cán bộ được tạo điều kiện đào tạo bồi dưỡng thường xuyên. Chính sách tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật hàng năm, công bố công khai và tổ chức truyền thông hiệu quả; sự tiến bộ học tập được giám sát qua phần mềm Edusoft; đề án hỗ trợ sinh viên, hệ thống câu lạc bộ hoạt động hiệu quả; cảnh quan sư phạm đảm bảo an toàn, thuận lợi. Cơ sở vật chất được đầu tư với hệ thống phòng học, thí nghiệm đầy đủ trang thiết bị; thư viện hiện đại với tài nguyên phong phú; hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hiệu quả học trực tuyến; môi trường, an toàn, sức khỏe được đảm bảo, đạt mức hài lòng cao. CTĐT được điều chỉnh thường xuyên với sự tham khảo ý kiến các bên liên quan, thể hiện bản sắc riêng; nghiên cứu khoa học của giảng viên đạt kết quả tích cực; khảo sát người học, hội nghị đối thoại được duy trì. Dữ liệu kết quả đầu ra và khảo sát được thu thập, xử lý đầy đủ; nghiên cứu khoa học sinh viên được tổ chức chuyên nghiệp, đạt giải thưởng cấp Bộ với tỷ lệ tốt nghiệp 67,8%, đúng hạn 100% và thôi học 4%.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Làm rõ năng lực hội nhập và học tập suốt đời, thể hiện định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo là đặc thù của ngành bệnh học thủy sản trong mục tiêu đào tạo; rà soát chuẩn đầu ra CTĐT, đối với năng lực ngoại ngữ, bên cạnh xác định yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia, thể hiện sự gắn kết với nghề nghiệp; làm rõ hơn năng lực nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo là đặc thù của ngành; rà soát nội dung chuẩn đầu ra 7 và chuẩn đầu ra 8 để đảm bảo không bị trùng lặp; triển khai đánh giá hiệu quả của các hình thức công khai chuẩn đầu ra CTĐT.

2. Bổ sung bảng tổng hợp số lượng tín chỉ của CTĐT theo từng khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành; rà soát, chỉnh sửa bảng Nội dung chương trình ở mục 7 để thể hiện được toàn bộ các học phần trong CTĐT; bổ sung mô tả rõ hơn các yêu cầu về project trong đề cương học phần (mục phương pháp giảng dạy và học tập); nghiên cứu để đảm bảo các hình thức đánh giá quá trình/giữa kỳ không quá nặng cho người học; rà soát để tính khối lượng giờ học lý thuyết, thực hành, tự học theo số tín chỉ căn cứ quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; tổ chức đánh giá khả năng tiếp cận của các bên liên quan đối với các hình thức phổ biến, công khai bản mô tả CTĐT và đề cương học phần để tìm ra các hình thức hiệu quả, làm cơ sở cho cải tiến chất lượng; xây dựng các bản giới thiệu CTĐT ngắn gọn, gồm bản tiếng Anh, với hình thức hấp dẫn, ứng dụng truyền thông đa phương tiện để các bên liên quan ngoài Học viện dễ tiếp cận, dễ nắm được các thông tin cốt lõi.

3. Có các giải pháp để đảm bảo người học tìm và nghiên cứu bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được cung cấp theo các kênh khác nhau; rà soát bảng ma trận về sự đóng góp của các học phần cho chuẩn đầu ra CTĐT, đảm bảo sự đóng góp của các học phần đối với các chuẩn đầu ra CTĐT là logic; xác định cụ thể thông tin bài thi giữa kỳ và cuối kỳ về hình thức thi, thời lượng dành cho bài thi; rà soát để giảm khối lượng kiến thức đại cương, tăng khối lượng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; rà soát, bố trí thời gian đào tạo một số học phần như Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh, Thương mại và hội nhập quốc tế, phù hợp hơn, đảm bảo người học tích hợp được kiến thức học phần vào các kiến thức, kỹ năng của các học phần chuyên ngành.

4. Đánh giá hiệu quả truyền thông, phổ biến Triết lý giáo dục và việc chuyển tải Triết lý giáo dục vào các hoạt động dạy và học; triển khai đánh giá hiệu quả của các phương pháp giảng dạy và học tập trong CTĐT ngành, bao gồm trong việc giúp người học nâng cao năng lực học tập suốt đời; có các giải pháp để đảm bảo giảng viên khai thác tối đa các tính năng của hệ thống LMS hỗ trợ các hoạt động dạy – học.

5. Rà soát cách tổ chức các văn bản quy định về kiểm tra đánh giá trên trang web để việc tìm kiếm được dễ dàng; rà soát và mô tả cụ thể hơn các hoạt động đánh giá trong các đề cương học phần để người học có thể tiếp nhận thông tin đầy đủ và chuẩn bị cho các hoạt động này tốt hơn; có các hình thức nhắc nhở, khuyến khích người học đọc các văn bản quy định về đào tạo nói chung và kiểm tra đánh giá kết quả học tập nói riêng, để người học hiểu sâu sắc hơn về các quy định kiểm tra đánh giá đồng thời góp phần hình thành thói quen chủ động tìm kiếm thông tin và đọc hiểu các văn bản quy định; rà soát để đảm bảo có các phương pháp/hình thức kiểm tra đánh giá, rubric đánh giá tương ứng với các chuẩn đầu ra học phần về mức tự chủ và trách

nhiệm; triển khai đánh giá một cách đầy đủ về việc các bài kiểm tra đánh giá đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần; rà soát và có cơ chế để đảm bảo các đề thi, câu hỏi thi đáp ứng theo đúng mức độ đã xác định trong chuẩn đầu ra học phần; tăng cường triển khai phân tích câu hỏi thi, đề thi theo độ khó, độ phân biệt để làm cơ sở cải tiến câu hỏi thi; rà soát để đảm bảo các rubric đo lường được mức độ cần đạt nêu trong chuẩn đầu ra học phần; có giải pháp để đảm bảo toàn bộ các học phần trong CTĐT thực hiện công bố đáp án các bài thi, kiểm tra; triển khai sử dụng các tính năng của hệ thống LMS trong kiểm tra quá trình và phản hồi kết quả, công bố đáp án; nghiên cứu để áp dụng quy trình phúc khảo điểm thi theo hình thức trực tuyến.

6. Xây dựng và triển khai chính sách xây dựng và thu hút, giữ giảng viên giỏi với các cơ chế đặc thù để thu hút giảng viên trình độ cao và phát triển chuyên gia đầu ngành kế cận cho CTĐT; cải tiến tiêu chí đánh giá năng lực, mức năng lực để đánh giá và đào tạo cán bộ giảng viên theo từng vị trí việc làm, quan tâm năng lực chuyển đổi số và ứng dụng AI; hoàn thiện công cụ, phương thức và bộ chỉ số KPIs trong đó có ghi nhận cụ thể đối với các loại hình hoạt động phục vụ cộng đồng để đánh giá, ghi nhận hiệu quả đóng góp đi cùng với đổi mới chính sách đãi ngộ để tạo động lực và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tiếp tục điều chỉnh, ban hành các chính sách, cơ chế thúc đẩy hợp tác, kết nối để đẩy mạnh các nghiên cứu đỉnh cao, liên ngành có khả năng ứng dụng, chuyển giao trong thực tiễn và tăng cường công bố quốc tế để phát huy tiềm lực của cán bộ giảng viên tham gia CTĐT.

7. Hoàn thiện và đưa vào thực hiện bộ KPIs cho đánh giá đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo hướng lượng hóa rõ ràng, chi tiết (bao gồm cả năng lực về phục vụ cộng đồng) và có tính phân loại cao để đánh giá đúng năng lực của các nhóm nhân viên với chức năng nhiệm vụ khác nhau; xây dựng quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cố vấn học tập; sử dụng kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên để thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động và đối sánh qua các năm; tổ chức và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa được tham gia các khóa bồi dưỡng phục vụ công tác cố vấn học tập và trợ lý khoa nhằm nâng cao hiệu quả công tác của nhóm cán bộ này, phục vụ và hỗ trợ tốt hơn nữa cho các CTĐT của Khoa.

8. Đẩy mạnh ứng dụng các công cụ số trong công tác tư vấn tuyển sinh nhằm tăng tốc độ, hiệu quả hỗ trợ và nâng cao trải nghiệm của thí sinh, phụ huynh; đánh giá sâu hiệu quả Đề án Nổi vòng tay lớn, thiết kế cơ chế phân nhóm hỗ trợ phù hợp và áp dụng công cụ theo dõi, phản hồi để tăng tính hiệu quả; phát huy thế mạnh sẵn có để nâng tầm hoạt động câu lạc bộ và ngoại khóa, gắn với các mô hình sáng tạo, dự án thực tế, mentor và công nghệ mới, qua đó hỗ trợ người học toàn diện hơn.

9. Rà soát quy hoạch tổng thể để bố trí hợp lý các khu vực, bổ sung phương tiện di chuyển nội bộ thân thiện môi trường, cải tạo nâng cấp cơ sở xuống cấp, nâng cao trang bị hiện đại; đẩy mạnh số hóa học liệu thư viện, tăng chỗ ngồi và máy tính, cập nhật phần mềm, bổ sung tài liệu mới, phân tích sâu phản hồi để cải tiến dịch vụ, tổ chức khảo sát theo ngành; đầu tư đồng bộ thiết bị phòng thí nghiệm, lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, đào tạo sử dụng, xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả qua phần mềm quản lý, tăng hợp tác doanh nghiệp cho thực tập; thành lập bộ phận công nghệ thông tin chuyên trách, xây dựng cổng thông tin chung, nâng cấp hạ tầng mạng, đẩy mạnh học liệu điện tử và chuyển đổi số, bổ sung nhân lực; hoàn thiện quy định hỗ trợ người khuyết tật toàn diện, thiết kế khảo sát chi tiết theo nhóm đối tượng, công bố kết quả và kế hoạch cải tiến để đảm bảo minh bạch.

10. Mở rộng và đa dạng hóa kênh phản hồi từ nhà tuyển dụng, thành lập Hội đồng tư vấn (Advisory Board) với doanh nghiệp và cơ quan quản lý/ hiệp hội để tăng giá trị góp ý và cập nhật CTĐT theo xu hướng mới; rà soát, hoàn thiện quy định và hướng dẫn phát triển CTĐT đảm bảo tiếp cận theo OBE; rà soát phương pháp kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra, chuẩn hóa rubric và sắp xếp tiến trình thực hiện các học phần phù hợp với logic I-P-R-M; xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể cho năng lực mềm (tự chủ, trách nhiệm, đạo đức...) và tăng cường tập huấn giảng viên về công cụ đo lường; đẩy mạnh biên soạn giáo trình từ kết quả nghiên cứu, phát triển học phần/dự án thực tế gắn với sinh viên; giám sát định kỳ mức độ hài lòng về dịch vụ; ưu tiên nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quy mô đào tạo tăng nhanh gần đây; hoàn thiện bộ công cụ khảo sát theo hướng khoa học, bổ sung câu hỏi mở về xu hướng, phân tích kết quả theo CTĐT và đánh giá tác động xã hội để bảo đảm cải tiến bền vững.

11. Duy trì một hệ thống quản lý và giám sát chặt chẽ, đảm bảo mỗi sinh viên đều có hồ sơ học tập cá nhân lưu trữ đầy đủ thông tin đầu vào, kết quả học tập từng học kỳ và các minh chứng liên quan như đồ án, báo cáo thực tập, chứng chỉ; phát huy, vận hành thường xuyên hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) để cập nhật kịp thời điểm số, tiến độ nộp bài và thông tin học tập quan trọng; phân công giảng viên cố vấn học tập cho mỗi nhóm sinh viên, tổ chức gặp gỡ định kỳ tối thiểu hai lần mỗi học kỳ nhằm trao đổi về tiến độ tích lũy tín chỉ, kết quả các học phần trọng yếu và định hướng lựa chọn môn học, đồ án hoặc thực tập; lập báo cáo tiến độ định kỳ, xác định sớm các trường hợp có nguy cơ chậm tiến độ và triển khai biện pháp hỗ trợ kịp thời để sinh viên hoàn thành chương trình đúng kế hoạch.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Bệnh học thủy sản gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
